

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: .../ĐKGD docấp ngày.....tháng.....năm)

 **Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại**

1. Tổ chức đăng ký giao dịch - Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Liên Chiểu - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511- 3842561 Fax: 0511- 3842174

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 35624626 Fax: 04 - 35624628

Website: www.abs.vn

 Phụ trách công bố thông tin

Đại diện Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

Ông Huỳnh Trung Quang

Chức vụ: Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật của Công ty

Điện thoại: 0511- 3842561

Fax: 0511- 3842174



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/1 cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch:	5.953.747 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch:	59.537.470.000 đồng

Tổ chức Kiểm toán

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

Trụ sở chính:	Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm– Hà Nội
Điện thoại:	04 - 38241990
Fax:	04 - 38253973

Tổ chức cam kết hỗ trợ

- Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính:	101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại:	04 - 35624626
Fax:	04 - 35624628
Website:	www.abs.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về biến động kinh tế.....	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	5
3. Rủi ro đặc thù	6
3.1. Rủi ro về lãi suất	6
3.2. Rủi ro về tỷ giá	6
3.3. Rủi ro về cạnh tranh.....	7
3.4. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu.....	7
4. Rủi ro khác.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
1. Tổ chức đăng ký giao dịch – Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	8
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ - Công ty Cổ phần Chứng Khoán An Bình.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.2. Một số thông tin chính về Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.....	10
1.3. Vốn hoạt động và quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	10
1.4. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD	12
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	12
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	22
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	22
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập	23
3.3. Cơ cấu cổ đông.....	24
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch: không có.....	24
5. Hoạt động kinh doanh.....	24
5.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm.....	24
5.2. Nguyên vật liệu.....	25
5.3. Chi phí sản xuất.....	27
5.4. Trình độ công nghệ	28
6. Kế hoạch phát triển kinh doanh	29
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
7.1 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	30

7.2 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, 2008 và năm 2009	30
7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009	31
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	33
8.1 Vị thế của Công ty	33
8.2 Triển vọng phát triển của ngành	34
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	34
9. Chính sách đối với người lao động	35
9.1. Cơ cấu lao động của Công ty đến 01.03.2010	35
9.2. Chính sách đối với người lao động	35
10. Chính sách cổ tức	38
11. Tình hình hoạt động tài chính	38
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	38
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	42
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	43
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	43
12.2. Danh sách Ban Tổng Giám Đốc	47
12.3. Danh sách Ban Kiểm soát	48
12.4. Phụ trách Kế toán	50
13. Tài sản	51
13.1. Tình hình đất đai	51
13.2. Tình hình tài sản	52
(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 chưa được kiểm toán)	52
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	52
* Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	53
* Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông thông qua	54
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	55
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	55
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	55
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	57
1. Tổ chức cam kết hỗ trợ	57
2. Tổ chức kiểm toán	57
VII. PHỤ LỤC	57

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về biến động kinh tế

Sản lượng tiêu thụ của ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung, ngành thép nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào sự tăng trưởng, phát triển của nền kinh tế và ngành công nghiệp xây dựng. Những năm gần đây, Việt Nam đang đẩy nhanh, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó cơ sở hạ tầng là lĩnh vực được ưu tiên phát triển hàng đầu với nhiều dự án đầu tư xây dựng lớn được triển khai. Vì vậy, nhu cầu về thép phục vụ xây dựng không chỉ trong hiện tại mà tương lai là rất lớn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 có ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là hoạt động về đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư bất động sản bằng cả nguồn vốn trong và ngoài nước. Vì vậy, thị trường thép trong nước cũng bị tác động mạnh. Tuy nhiên, tình trạng suy thoái trong nước nói riêng và thế giới nói chung đã được kiểm soát, nền kinh tế Việt Nam đã và đang đón nhận nhiều làn sóng đầu tư với các dự án lớn về công nghiệp và xây dựng được triển khai. Với việc đón nhận các làn sóng đầu tư, nhu cầu thép chất lượng cao phục vụ các công trình lớn gia tăng đáng kể. Vì vậy theo Công ty, rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro về pháp luật

Những biến động liên tục về chính sách tiền tệ, tín dụng, thuế và tỉ giá luôn là những rủi ro khó tính toán.

Sự không ổn định trong các quy định về môi trường, thủ tục xuất nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu xếp các nguồn nguyên liệu đầu vào trong nước và nhập khẩu của Công ty.

Là một công ty đại chúng, ngoài việc chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán với các quy định minh bạch trong khi việc xử phạt về nhái sản phẩm, thương hiệu, khai thác thông tin bất hợp pháp đã làm cho Công ty khó khăn trong việc duy trì ưu thế cạnh tranh do mình tạo ra.

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa cụ thể, đồng bộ nên việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt sát sao các chủ trương, chính sách của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về lãi suất

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại, Công ty cần có một lượng vốn rất lớn đặc biệt là vốn lưu động phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nguồn vốn tự có hiện tại của Công ty chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ so với tổng nhu cầu vốn kinh doanh, vì vậy Công ty đang phải bổ sung bằng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Những tháng đầu năm 2008, do sự bất ổn của nền kinh tế, bên cạnh việc phá vỡ cam kết về hạn mức tín dụng, lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng thường xuyên biến động và tăng cao so với các năm trước, kéo theo sự biến động của chi phí sử dụng vốn, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty trong những tháng cuối năm 2008 và đầu năm 2009.

3.2. Rủi ro về tỷ giá

Thép phế liệu là nguyên liệu sản xuất chính của Công ty một phần được nhập khẩu từ nước ngoài, đồng tiền sử dụng để thanh toán là ngoại tệ, vì vậy sự biến động của tỷ giá có tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có các hợp đồng cung cấp sản phẩm phôi thép và thép phế liệu cho một số đối tác nước ngoài, tỷ giá thường xuyên biến động cũng ảnh hưởng đến việc hạch toán doanh thu và kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, Công ty đã có kế hoạch dự trữ và xuất nhập khẩu phù hợp cho từng thời điểm, hơn nữa Công ty đã tạo được mối quan hệ thường xuyên và uy tín với các nhà cung cấp cũng như khách hàng nước ngoài nên trong các hợp đồng Công ty thường được hỗ trợ về điều khoản thanh toán một cách linh hoạt, giảm thiểu tối đa các bất lợi do biến động tỷ giá tạo ra.

3.3. Rủi ro về cạnh tranh

Theo dự kiến năm 2008 Việt Nam cần 4 triệu tấn phôi thép, năm 2009 với nhu cầu thép xây dựng khoảng 11 triệu tấn tương đương với nhu cầu phôi thép là 5 triệu tấn, trong đó sản xuất phôi thép trong nước chỉ đáp ứng khoảng 50%.

Là doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn trong ngành tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên, cùng với lợi thế về vị trí đại lý, Công ty không chỉ cung cấp phôi thép cho các Nhà máy cán thép tại địa bàn mà còn ký được các hợp đồng cung cấp sản phẩm có giá trị lớn và dài hạn cho các công ty cán thép lớn ở hai đầu Bắc – Nam như Công ty LD Thép Tây Đô, Công ty TNHH Thép VSC, Công ty Thép Úc SSE và Tổng Công ty Thép Việt Nam....Bên cạnh đó, các hợp đồng xuất khẩu phôi thép và nhập khẩu thép phế liệu cũng được Công ty cân đối, ký kết với thời hạn, số lượng, giá cả phù hợp trong từng giai đoạn. Vì vậy, đầu ra của sản phẩm là tương đối ổn định nên yếu tố cạnh tranh cũng chỉ phôi nhiều đến chiến lược kinh doanh nhưng không phải là yếu tố chính quyết định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3.4. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Ngoài phần thép phế liệu được nhập khẩu từ nước ngoài, Công ty sử dụng phần lớn thép phế liệu được thu gom trong nước đặc biệt là địa bàn Miền Trung – Tây Nguyên thông qua mạng lưới đại lý thu gom. Đặc thù của mạng lưới thu gom này là được thực hiện chủ yếu bằng sức lao động phổ thông nên thời gian cung cấp đủ nguyên liệu có thể kéo dài nhưng giá cả không biến động nhiều. Mạng lưới đại lý này đã được Công ty thiết lập từ ngày mới thành lập nên ổn định về nguồn cung và chủ động được trong việc đàm phán về giá thu gom nên việc biến động giá nguyên liệu đối với nguồn thu gom trong nước là không đáng kể. Đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu đòi hỏi Công ty phải có kế hoạch phù hợp để đối phó với sự biến động của tỷ giá và các rủi ro trong quá trình vận chuyển để không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch – Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

 Ông Nguyễn Bảo Giang	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ông Huỳnh Trung Quang	Chức vụ: Tổng giám đốc
 Ông Nguyễn Văn Chánh	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
 Bà Huỳnh Thị Quỳnh Thư	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
 Ông Đỗ Kim Long	Chức vụ: Phụ trách Kế toán
 Ông Nguyễn Xuân Bình	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ - Công ty Cổ phần Chứng Khoán An Bình

 Đại diện:	Ông Lương Minh Tuấn
 Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 124/ABS-PC ngày 31/12/2009 của Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc

phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TCTY:	Tổng Công ty Thép Việt Nam
Công ty:	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
Tổ chức đăng ký giao dịch:	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
Tổ chức cam kết hỗ trợ:	Công ty CP Chứng khoán An Bình
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
DHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên thuộc Công ty
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
SX:	Sản xuất
NVL:	Nguyên vật liệu
HĐKT:	Hoạt động kinh doanh
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng tiền thân là Nhà máy Thép Đà Nẵng, được thành lập vào năm 1991 trên cơ sở liên doanh giữa Công ty Gang Thép Thái Nguyên, Công ty Thép Miền Nam và Công ty Cơ khí Đà Nẵng.

Trong quá trình hoạt động và phát triển, các bên liên doanh rút và chuyển vốn cho Tổng Công ty Thép Việt Nam, Nhà máy Thép Đà Nẵng trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Năm 1998, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Thép Đà Nẵng. Từ giai đoạn này, Công ty liên tục đầu tư và phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm.

Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, theo Quyết định số 690/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Thép Đà Nẵng, từ tháng 5 năm 2007 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với phần vốn Nhà nước chiếm 30% trong tổng số vốn điều lệ.

1.2. Một số thông tin chính về Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng**

Tên viết tắt: DSC



Logo Công ty:

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Liên Chiểu – Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 – 3842561 Fax: 0511 – 3842174

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009.

1.3. Vốn hoạt động và quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ: 59.537.470.000 đồng

Vốn cổ phần: 5.953.747 cổ phần

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn
Trong năm 2007 (từ khi ĐKKD lần đầu tháng 5/2007 đến 31/12/2007)	41.418.000.000		
Tăng vốn lần 1 trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2007	41.418.000.000	6.212.660.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2007 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ.
Tăng vốn lần 2 trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2008	47.630.660.000	11.906.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2008 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ.
Từ 31/12/2008 đến nay	59.537.470.000		

Theo hướng dẫn tại công văn số 1977/UBCK-QLPH ngày 30/09/2008 của UBCKNN về việc xử lý một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng, kể từ ngày 01/10/2008 UBCKNN sẽ không phát hành công văn phản đối đối với các trường hợp phát hành thêm đã đầy đủ hồ sơ. Ngày nhận đầy đủ hồ sơ sẽ được UBCKNN công bố tại địa chỉ website:

www.ssc.gov.vn.

Các đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức, Công ty đã báo cáo đầy đủ và đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi phát hành cổ tức trả cổ phiếu. UBCKNN đã thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ phát hành thêm của Công ty trên website:

www.ssc.gov.vn. Nguồn:

Tăng vốn lần 1 (trả cổ tức năm 2007):

http://www.ssc.gov.vn/portal/page/portal/ubck/1096905?item_id=1513038&p_details=1

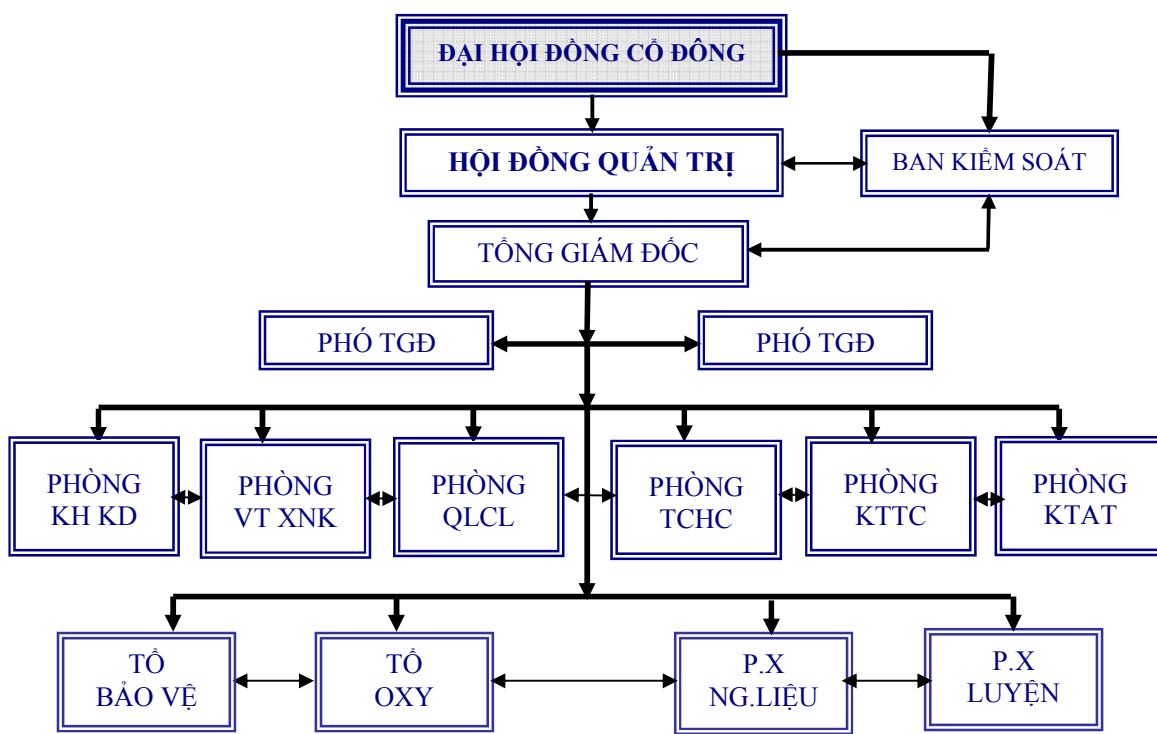
Tăng vốn lần 2 (trả cổ tức năm 2008):

http://www.ssc.gov.vn/portal/page/portal/ubck/1096905?item_id=1513071&p_details=1

1.4. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD

- Sản xuất, kinh doanh: phôi thép, thép xây dựng các loại, tôn mạ màu, xà gồ, lưới thép, thép chế tạo thông dụng, các chi tiết gang thép, các loại khí công nghiệp.
- Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu.
- Gia công, chế tạo các chi tiết gang thép.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép.
- Sản xuất và kinh doanh khí ôxy y tế.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2009, được sửa đổi theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết.

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- ✓ Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- ✓ Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- ✓ Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
- ✓ Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- ✓ Bầu, bãi miễn, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- ✓ Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- ✓ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Số thành viên của Hội đồng quản trị (HDQT) gồm 04 thành viên với nhiệm kỳ tối đa 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- ✓ Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.

- ✓ Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✓ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
- ✓ Kiến nghị mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- ✓ Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
- ✓ Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- ✓ Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm soát bao gồm những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- ✓ Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- ✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- ✓ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- ✓ Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết.
- ✓ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- ✓ Quản lý và điều hành các hoạt động theo thông lệ quản lý tốt nhất, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.
- ✓ Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✓ Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo Điều lệ và luật định.
- ✓ Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
- ✓ Tuyển dụng lao động, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

- ✓ Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

2.5. Phòng Kế hoạch kinh doanh (KHKD)

Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Công tác kế hoạch kinh doanh; công tác giá; tổng hợp; thống kê, báo cáo; thương hiệu.....

- ✓ Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tổ chức kinh doanh phôi thép do Công ty sản xuất.
- ✓ Thu mua nguyên vật liệu thép phế cho sản xuất của Công ty.
- ✓ Tổ chức kinh doanh sản phẩm thép trong nước, thép phế thứ liệu, khí công nghiệp.
- ✓ Tổ chức Công tác tiếp nhận vận tải hàng hóa.
- ✓ Quản lý theo dõi kho phế liệu, thành phẩm, hàng hóa.
- ✓ Thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định và theo yêu cầu của Công ty.

2.6. Phòng Vật tư Xuất nhập khẩu (VTXNK)

Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về các lĩnh vực công tác mua vật tư phục vụ sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu.

- ✓ Tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu: sản phẩm thép, thép thứ phế liệu, phôi thép, các loại vật tư hàng hóa khác.
- ✓ Thu mua toàn bộ vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.
- ✓ Làm thủ tục thông quan hàng hóa, giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, mua bảo hiểm cho hàng hóa cả các công việc khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.
- ✓ Theo dõi, quản lý các hợp đồng kinh tế xuất nhập khẩu.
- ✓ Cung cấp vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.7. Phòng quản lý chất lượng (QLCL)

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các lĩnh vực: chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên vật liệu sản xuất. Các nhiệm vụ chính:

- ✓ Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, công nghệ, kiểm tra chất lượng nguyên liệu nhập kho, sản phẩm sản xuất.
- ✓ Quản lý, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, dụng cụ, phục vụ tốt công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư sử dụng cho sản xuất.
- ✓ Đưa ra các yêu cầu xử lý các lô sản phẩm không phù hợp.
- ✓ Định kỳ báo cáo kết quả giám sát chất lượng cho Tổng giám đốc và cung cấp số liệu cho Phòng Vật tư xuất nhập khẩu, Phòng Kế hoạch kinh doanh và Phòng Kỹ thuật an toàn cơ điện.
- ✓ Xây dựng các nội quy, quy chế về lĩnh vực thuộc chức năng tham mưu của Phòng và thực hiện việc báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về lĩnh vực công tác được giao cho Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị.

2.8. Phòng Tổ chức hành chính (TCHC)

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các lĩnh vực: tổ chức bộ máy, cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng, bảo vệ, quân sự, quản trị hành chính, an toàn lao động, thi đua – khen thưởng, kỷ luật, xây dựng cơ bản thuộc phân cấp cho Phòng, công tác cổ động. Bao gồm các nhiệm vụ sau:

- ✓ Xây dựng phương án tổ chức mạng lưới phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.
- ✓ Xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng bậc.
- ✓ Xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương. Thực hiện các chế độ chính

sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, của Công ty.
Tổ chức quản lý tốt lực lượng lao động trong toàn Công ty.

- ✓ Xây dựng nền văn hóa Công ty trong sinh hoạt của CNVC tại công sở, trong hội họp, tiếp khách. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chi phí hành chính hàng năm.
- ✓ Xây dựng kế hoạch và theo dõi tổ chức thực hiện việc XDCCB, sửa chữa nhỏ nhằm duy trì sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất nhà văn phòng Công ty. Theo dõi, quản lý toàn bộ đất đai, nhà cửa hiện có của Công ty.
- ✓ Phối hợp với Công đoàn phát động phong trào thi đua, tổng kết, khen thưởng kịp thời. Tham mưu xử lý các vụ việc vi phạm kỷ luật lao động.
- ✓ Xây dựng mạng lưới an toàn viên, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt. Tổ chức công tác quân sự theo quy định của pháp luật.
- ✓ Làm tốt công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và quản trị hành chính.
- ✓ Phối hợp các phòng xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) việc chấp hành nội quy, quy chế, chấp hành pháp luật trong toàn Công ty.
- ✓ Phối hợp các Phòng triển khai và kiểm tra thực hiện các kế hoạch, nội dung đã được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phê duyệt.
- ✓ Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất. Xây dựng các nội quy, quy chế, quy định thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng.

2.9. Phòng Kế toán tài chính (KTTC)

Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về các lĩnh vực công tác tài chính và kế toán. Thực hiện các chế độ về kế toán tài chính doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Nhiệm vụ chính của Phòng gồm:

- ✓ Quan hệ với các tổ chức tài chính, tín dụng đảm bảo vốn cho hoạt

động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, đổi mới doanh nghiệp.
Đảm bảo cân đối tiền – hàng, lưu chuyển tiền tệ.

- ✓ Theo dõi, ghi chép, thống kê, cập nhật hóa đơn chứng từ để hạch toán kế toán.
- ✓ Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện công tác tài chính đúng chế độ, thể lệ, nguyên tắc của Nhà nước, quy định của Công ty.
- ✓ Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, quyết toán kiểm kê đảm bảo yêu cầu chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ.
- ✓ Định kỳ tổng hợp và phân tích tình hoạt động kinh tế của Công ty báo cáo Tổng giám đốc.
- ✓ Theo dõi phản ánh chính xác, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình tiền vốn, chi phí SXKD, kết quả lãi lỗ, các khoản thanh toán, nộp ngân sách
- ✓ Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm, xây dựng kế toán tài chính, vốn, phí...đảm bảo sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm nhằm tăng lãi.
- ✓ Quản lý, kiểm tra và đề xuất giải pháp xử lý các trường hợp công nợ nhằm thu hồi, hạn chế tối đa thất thoát vốn.
- ✓ Tiến hành tự kiểm tra định kỳ công tác tài chính – kế toán ở các đơn vị trực thuộc Công ty.
- ✓ Xây dựng các Quy chế, Quy định về các lĩnh vực thuộc chức năng tham mưu của Phòng.

2.10. Phòng Kỹ thuật an toàn (KTAT)

Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về các lĩnh vực: công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ và thiết bị; đầu tư phát triển; quản lý hệ thống chất lượng;

xây dựng cơ bản; nguyên cứu khoa học; sáng kiến tiết kiệm; công tác sửa chữa lớn; đào tạo nâng bậc; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ.

Phòng Kỹ thuật có các nhiệm vụ sau:

- ✓ Quản lý kỹ thuật, công nghệ và thiết bị. Lập đầy đủ hồ sơ kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, công nghệ và thiết bị toàn công ty để phục vụ công tác nguyên cứu, bảo dưỡng, sửa chữa và quản lý, sử dụng có hiệu quả tối đa các nguồn lực cơ sở vật chất trang thiết bị hiện có của công ty.
- ✓ Xây dựng các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, định mức sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị, dự trữ nguyên vật liệu phục vụ công tác sản xuất.
- ✓ Xây dựng quy trình, quy định quản lý về công tác kỹ thuật công nghệ, thiết bị, an toàn lao động, kỹ thuật phòng cháy chữa cháy. Quy trình quản lý tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.
- ✓ Nguyên cứu xây dựng các dự án đầu tư phát triển.
- ✓ Lập dự toán, theo dõi, quản lý các hạng mục công trình xây dựng cơ bản.
- ✓ Quản lý, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000.
- ✓ Quản lý môi trường theo quy định của pháp luật và theo cam kết của Công ty.
- ✓ Quản lý việc sửa chữa lớn, trung tu các thiết bị cơ và điện, điện tử trong toàn Công ty.
- ✓ Lập lịch bảo dưỡng thiết bị định kỳ, thường xuyên theo dõi kiểm tra thực hiện.
- ✓ Nguyên cứu áp dụng khoa học công nghệ mới, theo dõi công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hóa trong toàn Công ty.

2.11. Tổ Bảo vệ (TBV)

Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các lĩnh vực bảo vệ, an ninh, trật tự, quân sự. Các nhiệm vụ chính:

- ✓ Phối hợp với công ty Bảo vệ chuyên nghiệp xây dựng phương án tổ

chức bảo vệ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- ✓ Chịu trách nhiệm chính về việc bảo quản tài sản Công ty, giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực Công ty.

2.12. Tổ sản xuất Ôxy (TOX)

Nhiệm vụ của Tổ Sản xuất Ôxy bao gồm:

- ✓ Sản xuất Ôxy theo tiêu chuẩn chất lượng đã được Công ty quy định phục vụ cho các nhu cầu:
- ✓ Sản xuất phôi thép của phân xưởng luyện thép.
- ✓ Chế biến phế liệu của phân xưởng Nguyên liệu.
- ✓ Kinh doanh khí công nghiệp của Công ty.
- ✓ Quản lý, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất Ôxy và các trang thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, hàng hóa, trang bị kèm theo.
- ✓ Chịu trách nhiệm chính về chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu tiêu hao theo định mức được duyệt.

2.13. Phân xưởng luyện thép (PXL)

Trực tiếp tổ chức sản xuất theo kế hoạch được giao với định mức kinh tế kỹ thuật đã được duyệt, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng Công ty đề ra.

Nhiệm vụ của Phân xưởng luyện:

- ✓ Thực hiện tổ chức sản xuất sản phẩm theo kế hoạch được Tổng giám đốc giao.
- ✓ Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và chỉ tiêu tiêu hao theo định mức được duyệt.
- ✓ Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Thực hiện đúng các quy trình, quy định kỹ thuật về công nghệ và vận hành.
- ✓ Tổ chức thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị. Thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp thuộc phân xưởng và khu vực được giao.

- ✓ Nguyên cứu và áp dụng các giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng trong sản xuất.

2.14. Phân xưởng nguyên liệu (PXNL)

Trực tiếp tổ chức công tác tiếp nhận, phân loại, chọn lọc, chế biến từ nguồn nguyên liệu thép phế liệu và gang thành nguyên liệu phục vụ cho luyện thép. Thực hiện việc cấp liệu cho phân xưởng luyện thép.

Nhiệm vụ của Phân xưởng nguyên liệu:

- ✓ Tổ chức tiếp nhận các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất chủ yếu là thép phế liệu và gang.
- ✓ Triển khai công tác sản xuất theo kế hoạch, thực hiện việc phân loại, chọn lọc và chế biến phế liệu thành nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- ✓ Thực hiện việc cấp liệu cho phân xưởng Luyện đáp ứng việc phối liệu và nấu luyện.
- ✓ Đảm nhận việc bốc xếp bằng cơ giới và thủ công việc xuất nhập vật tư hàng hóa của Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 35/2010/GCNCP-VSD ngày 05/02/2010. Tổng số lượng cổ phần đăng ký là 5.953.747 cổ phần với mã chứng khoán là DNS.

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng sở hữu (CP)	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam	91- Láng Hạ - Quận Đống Đa Hà Nội	1.786.151	30,00
2	Nguyễn Bảo Giang	254A Lê Quang Định, Phường 14 Q. Bình Thạnh - TP HCM	1.318.092	22,14
3	Huỳnh Thị Quỳnh Thư	254A Lê Quang Định, Phường 14 Q. Bình Thạnh - TP HCM	603.750	10,14

(Nguồn: Số liệu do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009, cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng sở hữu (CP)	Tỷ lệ %
1	Huỳnh Trung Quang (Đại diện phần vốn góp của TCTY)	36 Lê Lai, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	1.250.306	21,00
2	Nguyễn Bảo Giang	254A Lê Quang Định, Phường 14 Q.Bình Thạnh – TP HCM	1.318.092	22,14
3	Nguyễn Văn Chánh (Đại diện phần vốn góp của TCTY)	K13285 Lý Tự Trọng- Quận Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng	535.845	9,00
4	Đinh Xuân Đức	B8/A17 Cư xá 155 Tô Hiến Thành- Phường 13-Quận 10 – TP HCM	186.875	3,14

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11,” Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.”

Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 02/05/2007, như vậy đến ngày 02/05/2010, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập sẽ được bãi bỏ.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	291	5.822.935	58.229.350.000	97,8
1	Trong Công ty	156	2.629.182	26.291.820.000	44,16
1.1	Pháp nhân	-	-	-	-
1.2	Thế nhân	156	2.629.182	26.291.820.000	44,16
2	Ngoài Công ty	135	3.193.753	31.937.530.000	53,64
2.1	Pháp nhân (Tổng công ty Thép Việt Nam)	1	1.786.151	17.861.510.000	30
2.2	Thế nhân	134	1.407.602	14.076.020.000	23,64
II	Cổ đông nước ngoài	1	130.812	1.308.120.000	2,2
1	Pháp nhân	1	130.812	1.308.120.000	2,2
2	Thế nhân	-	-	-	-
	Tổng cộng (I) + (II)	292	5.953.747	59.537.470.000	100

(Nguồn: Sổ đăng ký cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2009)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch: không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Năm 2007, sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, với chủ trương chuyên sâu hóa sản phẩm, Công ty chủ động thu hẹp sản phẩm sản xuất bằng việc đầu tư, cải tạo dây chuyền thiết bị nâng cao năng lực sản xuất

phôi thép, thu hẹp đi đến dừng vận hành dây chuyền cán thép lạc hậu, chi phí sản xuất cao. Thép thành phẩm phục vụ cho hoạt động thương mại của Công ty chủ yếu là thép đối lưu của các đơn vị quan hệ mua phôi thép.

Với chiến lược phát triển cơ cấu sản phẩm như trên, Công ty chủ động trong việc khai thác nguồn nguyên liệu đầu vào, kiện toàn công tác tổ chức, đội ngũ lao động, sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu. Bước đầu đã đạt được kết quả nhất định:

- ✓ Tổng sản lượng sản xuất phôi thép năm 2007 là 42.400 tấn đạt 130% so với năm 2006 và 106% so với kế hoạch năm 2007. Năm 2008 là 50.000 tấn đạt 110,73% so với kế hoạch và 171,93% so với năm 2007.
- ✓ Tổng sản phẩm tiêu thụ phôi thép năm 2007 là 41.100 tấn đạt 150% so với năm 2006 và 103% so với kế hoạch năm 2007. Năm 2008 là 50.000 tấn đạt 102,08 so với kế hoạch và 182,78% so với năm 2007.

Một số chỉ tiêu tiêu thụ 8 tháng cuối năm 2007, năm 2008 và năm 2009

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Doanh thu thuần	269.055	1.004.238	1.444.416
2	Giá vốn hàng bán	242.650	933.970	1.393.260
3	Lợi nhuận gộp	26.405	70.267	51.155
4	Lợi nhuận sau thuế	8.816	16.642	5.380

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

5.2. Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất

Nguyên vật liệu phục vụ chủ yếu cho hoạt động sản xuất của Công ty là thép phế liệu, được thu mua từ 2 nguồn: nhập khẩu và trong nước.

Nguồn phế liệu nhập khẩu thường chiếm tỉ trọng 25% nhu cầu nguyên vật liệu trong năm. Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn hàng có giá cả hợp lý, chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn và chỉ tiêu môi trường theo quy định của Nhà

nước, có nguồn gốc từ các nước Châu Á và Châu Âu. Tuy nhiên, việc vận chuyển được thực hiện chủ yếu bằng đường biển, thời gian vận chuyển dài, rủi ro trong quá trình vận chuyển cao.

Nguồn nguyên liệu còn lại được thu gom thông qua bộ phận thu mua gom của Công ty và các đơn vị thương mại lớn đóng tại hầu hết các tỉnh thành tại Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên. Hiện nay, nguồn cung thép phế liệu tại Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và Đà Nẵng tương đối dồi dào, giá cả thấp, thời gian vận chuyển ngắn, phương tiện vận chuyển đa dạng, độ an toàn trong vận chuyển cao.

Các nguyên nhiên vật liệu phụ còn lại được mua từ các nhà máy sản xuất và các đơn vị thương mại trong nước.

b. Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh thương mại

Hoạt động thương mại của Công ty gồm 3 mặt hàng chính là thép phế liệu, phôi thép và thép xây dựng.

Nguồn thép phế liệu được Công ty thu gom trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài, ngoài việc cung cấp nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty, phần còn lại Công ty bán cho các doanh nghiệp trong nước và một số đối tác nước ngoài có nhu cầu.

Phôi thép là sản phẩm sản xuất chính của Công ty, sau khi cổ phần hóa Công ty đã và đang đầu tư nâng cấp dây chuyền thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, từng bước khẳng định vị thế cạnh tranh và uy tín trên thị trường đối với sản phẩm phôi thép. Tuy nhiên, lượng phôi thép do Công ty sản xuất thường không đáp ứng đủ cho nhu cầu của thị trường nên Công ty phải mua lại phôi thép của các đơn vị khác để bổ sung. Nguồn phôi thép Công ty mua lại chủ yếu của Công ty An Hưng Tường, là đơn sản xuất phôi có quy mô lớn và có thương hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn thép xây dựng phục vụ cho hoạt động thương mại của Công ty chủ yếu là nguồn thép đối lưu của Công ty với các đơn vị mua phôi thép. Những đơn vị Công ty đối lưu sản phẩm chủ yếu là các công ty lớn, đã có thương hiệu trên thị trường như Công ty Thép Việt Úc, Công ty Thép Việt Hàn.... nên hầu hết sản lượng thép Công ty lấy về đều được các đại lý tiêu thụ hết, ít có tình trạng lưu kho trong thời gian dài.

c. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Công ty đang có mối quan hệ lâu dài, thường xuyên với các đơn vị cung cấp có uy tín tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và trên cả nước. Hiện nay, các đơn vị này đã và đang cung cấp sản phẩm hầu hết cho các đơn vị sản xuất thép trong nước, nguồn hàng đảm bảo chất lượng, ổn định về số lượng và giá cả phù hợp cho từng thời kỳ.

d. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tình hình giá cả đầu vào thường xuyên biến động, đặc biệt trong thời gian gần đây. Việc biến động làm ảnh hưởng đến khả năng dự trữ, chi phí, giá thành sản phẩm sản xuất của công ty.

Tuy nhiên giá cả sản phẩm thép và phôi thép được hình thành trên cơ sở mặt bằng chung của thị trường trong nước, việc tăng giảm giá bán phôi thép liên tục điều chỉnh ở mức hợp lý.

5.3. Chi phí sản xuất

Dvt: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	8 tháng năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
		Giá trị	% Dthu	Giá trị	% Dthu	Giá trị	% Dthu
1	Giá vốn hàng bán	242.650	90,14	933.970	90,0	1.393.260	96,46
2	Chi phí bán hàng	4.603	1,71	9.833	0,97	11.008	0,76

3	Chi phí quản lý	10.005	3,72	26.349	2,61	16.204	1,12
4	Chi phí tài chính	2.899	1,08	25.204	2,50	19.178	1,33

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, việc giảm chi phí phần lớn phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu cấu thành nên giá vốn hàng bán và các định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật. Trong đó định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động luyện thép dựa trên mức bình quân tiên tiến của các đơn vị trong ngành.

Việc quản lý, khống chế các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong giới hạn cho phép đối với Công ty ngày càng cải thiện do:

- ✓ Công ty thường xuyên rà soát, quản lý các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và ngày càng cải thiện để phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty.
- ✓ Chi phí sản xuất đạt mức bình quân tiên tiến của các đơn vị có trình độ công nghệ tương tự.
- ✓ Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, kinh nghiệm sản xuất hơn 15 năm là yếu tố quan trọng để đảm bảo thực hiện hiệu quả các định mức kinh tế kỹ thuật.

5.4. Trình độ công nghệ

Công nghệ luyện thép bằng lò điện hồ quang, công suất 15 tấn/mẻ kết hợp với hệ thống đúc liên tục 2 dòng, đường kính 4 mét. Phần lớn hệ thiết bị được điều khiển tự động bằng PLC. Nhìn chung, trình độ công nghệ tiên tiến so với các đơn vị sản xuất thép trong nước, đứng sau mức độ hiện đại và tự động của Công ty Thép Phú Mỹ tại Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hệ thống lò luyện thép được đầu tư vào năm 2003, sản xuất bởi Tập đoàn Tây An Trung Quốc, chuyên sản xuất các thiết bị luyện thép cho các Nhà máy hiện đại, công suất lớn. Hệ thống dây chuyền đúc liên tục được đầu tư vào năm 2005, của Hãng Concast Ấn Độ.

6. Kế hoạch phát triển kinh doanh

Mục tiêu của Công ty từ nay đến hết năm 2010 là đầu tư, nâng cấp, cải tạo dây chuyền hiện có nhằm xử lý triệt để vấn đề môi trường, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng phôi như CT3, CT5, SD390, SD490, Gr60. Tiếp đến, trong năm 2010 Công ty nghiên cứu triển khai dự án đầu tư sản xuất thép xây dựng trên dây chuyền sản xuất hiện đại.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo lập và củng cố niềm tin của khách hàng đối với sản phẩm thép Đà Nẵng, Công ty chủ trương tất cả các sản phẩm trước khi giao cho khách hàng đều phải thông qua bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty (Phòng QLCL).

Việc kiểm soát chất lượng sản phẩm chỉ được thực hiện sau khi đã ra sản thành phẩm mà các mẻ thép được kiểm tra trong suốt quá trình luyện bằng việc thử mẫu của máy phân tích quang phổ. Những mẻ thép đạt tiêu chuẩn các thông số kỹ thuật về chất lượng, kích thước, bề mặt mới được nhập kho và xuất bán. Vì thế, tất cả các sản phẩm của Công ty khi đến tay khách hàng luôn đảm bảo về chất lượng, tính năng kỹ thuật và được khách hàng tin cậy.

Để chuyên nghiệp hơn trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý ISO 9001 – 2000.

Ngoài ra, để đạt được những mục tiêu kinh doanh trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục chủ động đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, từng bước đưa hình ảnh của Công ty vào trong cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội như tham gia đóng góp vào Quỹ đền ơn đáp nghĩa Thành phố Đà Nẵng, Ủng hộ cho đồng bào lũ lụt, Xây nhà tình nghĩa, tài trợ các hoạt động thể thao của Thành phố Đà Nẵng... Công ty đã phát động đợt thi sáng tác logo Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng trên phương tiện thông tin đại chúng, Công ty đã chọn được logo biểu trưng và đã tổ chức chương trình ra mắt logo đầu năm 2009. Đây là một trong những hoạt động trong chiến lược xây dựng thương hiệu của Công ty trong thời gian qua.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, sản phẩm phôi thép của Công ty được tiêu thụ cho các đơn vị trong cả nước. Là nguồn nguyên liệu chính cho các nhà máy lớn, hiện đại, sản phẩm có uy tín trên thị trường.

Một số hợp đồng cung cấp sản phẩm cho các đối tác Công ty đang thực hiện:

STT	Số Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Đơn Vị	Mặt hàng	Giá trị Hợp đồng (đồng)
1	01-09/VNS-DNS	09/06/2009	Tổng Công ty Thép Việt Nam	phôi thép	43.575.000.000
2	08/09-KHKD	10/06/2009	Công ty CP Thép Miền Trung	phôi thép	22.050.000.000
3	02.2009/VPS-DNS	22/06/2009	Công ty TNHH Thép VSC	phôi thép	25.350.000.000
4	01/TT-DN	24/06/2009	Công ty CP Trúc Thôn	phôi thép	18.000.000.000

(Nguồn: Số liệu do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp)

7.2 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007, 2008 và năm 2009

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	8 tháng Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng giá trị tài sản	193.642.496.974	321.906.942.986	393.795.364.643
Doanh thu thuần	269.055.377.007	1.004.238.170.316	1.444.416.008.442
Lợi nhuận từ HĐKD	9.397.847.347	18.254.523.844	5.330.409.910
Lợi nhuận khác	315.821.348	774.505.595	1.295.044.016
Lợi nhuận trước thuế	9.713.668.695	19.029.029.439	6.625.453.926
Lợi nhuận sau thuế	8.815.893.163	16.641.923.935	5.379.998.738

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty, kiểm toán viên có đưa ra những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên như sau:

“Như đã trình bày tại thuyết minh chính sách kế toán – Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, Công ty đang ghi nhận nguyên giá của những tài sản cố định nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước bằng giá trị còn lại của những tài sản cố định này tại thời điểm bàn giao.

Mặt khác, như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 24, Công ty chưa loại trừ chi phí khấu hao của những tài sản cố định ngừng hoạt động, không phục vụ cho sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu Thuế Thu nhập doanh nghiệp”

Ý kiến của kiểm toán viên như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009

Những nhân tố tích cực

- ✓ Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp đã phát huy tác dụng trong thực tế, gồm: công tác quản trị đã từng bước được cải thiện vừa đáp ứng yêu cầu pháp luật đối với công ty đại chúng vừa mang lại hiệu quả trong điều hành; vốn huy động và thặng dư có được qua huy động và cổ phần hóa đã tạo điều kiện thuận lợi và hiệu quả hơn trong kinh doanh; tính minh bạch của công ty đại chúng đã giúp thương hiệu công ty ngày càng lan tỏa và được nhận biết tốt.

- ✓ Công ty đặt tại Khu công nghiệp Liên Chiểu có đủ các điều kiện thuận lợi về hạ tầng để phục vụ sản xuất hiện tại và nhu cầu mở rộng sản xuất trong tương lai.
- ✓ Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp trong quản lý điều hành, lực lượng công nhân nhiệt huyết, luôn tranh thủ học hỏi nâng cao tay nghề, thêm vào đó đây chuyên công nghệ đang dần được đầu tư, nâng cấp là những nhân tố đảm bảo cho lợi thế cạnh tranh bền vững của Công ty.
- ✓ Miền Trung nói chung và Đà Nẵng nói riêng đang là điểm đến của các Nhà đầu tư nước ngoài, là nơi triển khai nhiều dự án trọng điểm quốc gia: Nhà máy hóa dầu Phú Yên, Khu công nghiệp Dung Quất, Chuỗi Nhà máy thủy điện trên sông Vu Gia (Quảng Nam), Khu công nghiệp Vũng Áng, Sân bay quốc tế Đà Nẵng, cầu Rồng Đà Nẵng và sự triển khai rầm rộ toàn bộ các dự án du lịch ven biển Sơn Trà – Điện Ngọc, Lăng Cô... tạo ra nhu cầu tiềm năng về sắt, thép xây dựng rất lớn, là động lực để Công ty đẩy mạnh, phát triển hoạt động thương mại tiêu thụ sản phẩm thép xây dựng thành phẩm.
- ✓ Đà Nẵng là đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt cho cả khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và là điểm trung chuyển cả nước. Hơn nữa vị trí Khu công nghiệp Liên Chiểu nói chung, vị trí của Công ty nói riêng là điểm nút giao thông 2 đầu Bắc – Nam rất thuận lợi cho việc xuất, nhập, vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm.

Những nhân tố hạn chế

- ✓ Chính sách tiền tệ thắt chặt của Chính phủ đã làm cho khách hàng và đối tác thiếu nguồn lực để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- ✓ Chính sách tài khóa thắt chặt của Chính phủ đã hạn chế chi tiêu công làm cho một số công trình vốn Ngân sách không và chậm được triển khai.
- ✓ Tỷ giá đô la Mỹ so với đồng Việt Nam biến động đã làm khó khăn và hạn chế trong công tác tính toán và dự báo.
- ✓ Khó khăn kếp diễn ra ở cả đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất: các yếu tố đầu vào: điện, xăng dầu liên tục tăng lên; lạm phát đang ở mức cao làm giảm cầu do đó khó tăng giá bán, hay đạt đến lợi thế quy mô để duy trì giá cạnh tranh.
- ✓ Yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng cao, đòi hỏi Công ty phải đầu tư ngày một nhiều hơn cho công tác này làm cho giá thành sản phẩm của Công ty ngày càng tăng.
- ✓ Khó khăn lớn nhất của Công ty là việc thiếu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phần lớn nguồn vốn kinh doanh phụ thuộc vào vốn tài trợ của các tổ chức tín dụng, với chính sách thắt chặt tiền tệ một mặt ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty, một mặt làm cho Công ty bị động trong việc giải ngân vốn vay phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty

- ✓ Với quy mô và năng lực sản xuất hiện tại, Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng là doanh nghiệp lớn sản xuất phôi thép với công nghệ tiên tiến trong ngành tại Thành phố Đà Nẵng và Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.
- ✓ Là nhà thu mua sắt phế liệu lớn tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên, Công ty luôn giữ vai trò dẫn dắt thị trường sắt phế liệu.

- ✓ Là một trong những nhà cung cấp nguyên liệu phôi thép cho các nhà máy sản xuất thép xây dựng lớn của Việt Nam như Công ty Thép Việt-Hàn, Công ty Thép Miền Nam, Thép Thái Nguyên, Thép Việt-Úc.
- ✓ Là doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả thông qua việc thương hiệu Thép Đà Nẵng ngày càng được nhiều nhà đầu tư và khách hàng biết đến.
- ✓ Có được sự tin cậy lớn từ các nhà đầu tư và các đối tác, trong việc đầu tư và hợp tác, xuất phát từ doanh nghiệp là công ty đại chúng luôn hoạt động công khai, minh bạch và chắc chắn trong các cam kết.

(Nguồn: Thông tin do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp)

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam trong tháng 8 năm 2009, tiêu thụ thép đã có mức tăng trưởng rất mạnh. Trong đó mảng thép xây dựng có mức tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung bình một tháng trong điều kiện bình thường thép xây dựng có thể tiêu thụ được khoảng 350 nghìn tấn. Tuy nhiên, trong tháng 8, vào thời điểm mùa mưa chuẩn bị bắt đầu cũng như là tháng 7 âm lịch, mức tiêu thụ đã bắt đầu tăng lên 401 nghìn tấn.

Đối với sản phẩm ống thép và tôn mạ, mức tiêu thụ của tháng 8 cũng cao hơn mức tiêu thụ trung bình từng tháng từ đầu năm tới nay.

Đến hết tháng 8/2009, thép xây dựng đã tăng trưởng 22% so với cùng kỳ. Một số nhà cung cấp thép cho rằng vào các tháng cuối năm 2009 giải ngân xây dựng tốt hơn nên tiêu thụ thép, đặc biệt là thép xây dựng sẽ tiếp tục có cơ hội tăng trưởng tốt. Năm 2010, Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) dự đoán mức tăng trưởng của toàn ngành sẽ ở mức 10-12%.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm qua, do sản xuất trong nước mất cân đối giữa luyện thép và cán thép, phôi thép nhập khẩu khan hiếm và giá cao, nên với thế mạnh về sản xuất phôi thép Công ty luôn duy trì được sản xuất và đạt được hiệu quả kinh doanh.

Năng lực sản xuất của Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng tuy là lớn nhất ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên nhưng chỉ khiêm tốn ở mức 60.000 tấn/năm.

Bên cạnh đó, nhu cầu của các đơn vị sản xuất thép thành phẩm cũng như của thị trường ngày càng tăng thì sản lượng phôi thép vẫn chưa đáp ứng đủ.

(Nguồn: Thông tin do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp)

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động của Công ty đến 01.03.2010

Tại thời điểm 01.03.2010, tổng số lao động hiện có tại Công ty là 339 người với cơ cấu được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị tính: người

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Cao học	0	0	0
Đại học	23	18	41
Cao đẳng	20	1	21
Trung cấp	59	4	63
PTTH + THCS	203	11	214
Tổng cộng	305	34	339

9.2. Chính sách đối với người lao động

Được thể hiện tại Thỏa ước lao động tập thể đã được Chủ tịch Công đoàn Công ty là đại diện tập thể Người lao động và Tổng giám đốc là đại diện cho Người sử dụng lao động thỏa thuận và ký kết.

* **Chế độ làm việc:** Bộ phận văn phòng làm việc theo chế độ 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, bộ phận sản xuất áp dụng chế độ sản xuất 2 ca, 3 kíp (ca 1 từ 8h đến 18h; ca 2 từ 22h đến 8h), Công ty nghỉ sản xuất giờ ca điểm từ 18h đến 22h. Trường hợp cần thiết, Công ty có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và

cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

* **Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ phép, lễ, tết theo quy định tại điểm 12.3 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Thỏa ước lao động tập thể. Việc trả lương trong những ngày nghỉ phép, lễ, tết được quy định cụ thể tại Quy chế tiền lương của Công ty.

* **Điều kiện làm việc:** Công ty cam kết trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình trong quá trình làm việc.

* **Đảm bảo việc làm cho người lao động:** Trường hợp đầu tư đổi mới kỹ thuật hay tổ chức lại sản xuất thì Công ty phải có phương án sử dụng tối đa số lao động hiện có, đào tạo lại đội ngũ lao động để người lao động có thể đảm nhận được các công việc mới. Công ty chủ động mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo duy trì tốc độ phát triển bền vững nhằm đảm bảo việc làm thường xuyên cho người lao động.

* **Chế độ lương:** Công ty ban hành Quy chế tiền lương kèm theo Quyết định số 575/QĐ - HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2007. Theo đó Công ty thực hiện việc chi trả lương cho CBCNV dựa vào vị trí công việc, năng lực, chức vụ của cá nhân, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

* **Chế độ thưởng:** Nhằm khuyến khích, động viên CBCNV nâng cao năng suất lao động, gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách thưởng thiết thực. Bao gồm: thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc; Thực hiện khen thưởng xứng

đáng, kịp thời để khuyến khích, động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh; Có chính sách đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến trong công việc.

*** *Bảo hiểm và phúc lợi:*** Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho tất cả CBCNV. Đối với người lao động có hợp đồng lao động từ 6 tháng trở lên được Công ty mua bảo hiểm tai nạn lao động. Hàng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV và tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

*** *Chính sách đào tạo, tuyển dụng:***

✓ **Tuyển dụng:** Với mục tiêu thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh, Công ty chủ động phối hợp với Trường Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế thuộc Đại học Đà Nẵng tìm kiếm, lựa chọn và tài trợ, cấp học bổng cho những sinh viên giỏi thuộc lĩnh vực hoạt động sản xuất của công ty nhằm chuẩn bị được nguồn nhân lực chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển. Đối với các vị trí quan trọng, Công ty có chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút được người lao động có kinh nghiệm điều hành, tổ chức hoạt động kinh doanh.

✓ **Đào tạo:** Công ty luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty chú trọng đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết để phát triển năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Trong thời gian đào tạo, người lao động được hưởng lương do Tổng giám đốc quyết định. Thông qua hợp tác chiến lược với các đơn vị

trong ngành để đẩy mạnh việc học tập, trao đổi và đào tạo nguồn nhân lực, công nhân lành nghề.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông khi hoạt động kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ phần vốn góp của mình, thời gian trả cổ tức thường là 1 lần/năm.

Sau 8 tháng chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

Cổ tức	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	15%	25%	5%

Kế hoạch cổ tức năm 2010 sẽ được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.

(Nguồn: Số liệu do Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng cung cấp và số liệu tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Kỳ hoạt động từ ngày 01.05.2007 đến 31.12.2007 là kỳ hoạt động đầu tiên theo mô hình công ty cổ phần.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định nhận bàn giao từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận bằng giá trị còn lại của tài sản mà không ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc được quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm trong năm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải	07 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

b. Thu nhập bình quân đầu người

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty 8 tháng cuối năm 2007 là 3,5 triệu đồng/người/tháng, năm 2008 là 4,2 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 4,7 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu

nhập khá cao so với mức thu nhập bình quân trên địa bàn Đà Nẵng nói chung và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn nói riêng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2007 và năm 2008, Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có phát sinh nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ 8 tháng năm 2007, năm 2008 và năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Quỹ dự phòng tài chính	-	880.000.000	2.380.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	-	1.320.000.000	3.820.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	- 2.450.000	100.642.083	508.462.083
Tổng cộng	- 2.450.000	2.300.642.083	6.708.462.083

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

f. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009
1	Vay và nợ ngắn hạn	112.472.860.680	173.461.601.127
2	Vay và nợ dài hạn	1.088.000.000	3.567.072.420
	Tổng cộng	113.560.860.860	177.028.673.547

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

g. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009
Phải thu của khách hàng	17.353.040.325	9.556.031.793
Trả trước người bán	65.263.457.453	63.094.259.445
Phải thu khác	321.942.630	338.277.923
Dự phòng nợ khó đòi	-63.596.396	-63.596.396
Tổng cộng	82.874.844.012	72.924.972.765

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2008	Tại 31/12/2009
A./ NỢ PHẢI TRẢ	255.280.483.805	321.881.086.724
I./ Nợ ngắn hạn	254.045.759.757	318.077.290.256
1./ Vay và nợ ngắn hạn	112.472.860.680	173.461.601.127
2./ Phải trả cho người bán	55.514.358.029	68.419.423.115
3./ Người mua trả tiền trước	79.992.523.067	53.398.710.835
4./ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	212.320.132	1.573.563.624
5./ Phải trả người lao động	4.250.000.000	4.300.000.000
6./ Chi phí phải trả	216.132.393	206.710.811
7./ Phải trả nội bộ		
8./ Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
9./ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.387.565.456	16.717.280.744
10./ Dự phòng phải trả ngắn hạn		
II./ Nợ dài hạn	1.234.724.048	3.803.796.468

1./ Phải trả dài hạn người bán	1.234.724.048	
2./ Phải trả dài hạn nội bộ		
3./ Phải trả dài hạn khác		90.000.000
4./ Vay và nợ dài hạn	1.088.000.000	3.567.072.420
5./ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
6./ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	146.724.048	146.724.048
7./ Dự phòng phải trả dài hạn		

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007 và năm 2008, Công ty không có các khoản nợ quá hạn phải trả.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,89	0,93
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,43	0,36
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,79	0,79
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,83	4,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,00	9,31
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	3,12	3,67
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,7	0,4
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	25,0	7,5
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,2	1
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh	%	1,8	0,4

thu thuận

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2009 chưa kiểm toán)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Bảo Giang

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/01/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

CMND số: 023036015 do CA TP Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2002

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 254A Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học kinh tế, chuyên ngành Quản Trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1994 đến nay: Công tác tại Công ty TNHH An Hưng Tường kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Số cổ phần nắm giữ: 1.318.092 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu: 1.318.092 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Thành viên Hội đồng quản trị

b1. Ông Đinh Xuân Đức

Họ và tên: Đinh Xuân Đức

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/11/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

CMND số: 023827349 do CA TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/09/2000

Quê quán: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: B8/A17, cư xá 155 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại Học Ngân hàng

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1994 đến 1995: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Lâm Đồng.
- Từ năm 1995 đến 2002: Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2003 : Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam
- Từ năm 2004 đến 2005: Công ty Cổ Phần D.D.T
- Từ năm 2006 đến nay : Công tác tại Công ty TNHH An Hưng Tường kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 186.875 cổ phần. Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: 186.875 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b2. Ông Huỳnh Trung Quang

Họ và tên: Huỳnh Trung Quang

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1957

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

CMND số: 280187180 do Công an ĐN cấp ngày 25/06/2009

Quê quán: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 36 Lê Lai, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại Thương, kỹ sư điện

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1981 đến 1993: Công ty Vật Tư Thứ Liệu Đà Nẵng.
- Từ năm 1994 đến 2002: Công ty Kim khí Vật tư Tổng hợp Miền Trung.
- Từ năm 2003 đến 2006: Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- Từ năm 2006 đến 2007: Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung.
- Từ năm 2007 đến nay: Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.394.056 cổ phần. Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: 143.750 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 1.250.306 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b3. Ông Nguyễn Văn Chánh

Họ và tên: Nguyễn Văn Chánh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/01/1964

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 200039655 do Công an QN Đà Nẵng cấp ngày 11/07/1991

Quê quán: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: K132/5 Lý Tự Trọng, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương, Kỹ sư cơ khí.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1986 đến 1991: Công ty Vật tư thứ liệu Đà Nẵng.
- Từ năm 1991 đến 2003: Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung
- Từ năm 2003 đến nay: Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 606.508 cổ phần. Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: 70.663 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 535.845 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2. Danh sách Ban Tổng Giám Đốc**a. Tổng Giám Đốc**

Họ và tên: Huỳnh Trung Quang

Lý lịch chi tiết như tại phần Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

b. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Văn Chánh

Lý lịch chi tiết như tại phần Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

c. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Huỳnh Thị Quỳnh Thư

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 04/01/1976

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 024333206 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 4/1/2005

Quê quán: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 254A Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1997 đến 2000: Công ty Phá dỡ Tàu biển và Sắt thép Đà Nẵng.
- Từ năm 2000 đến 2007: Công ty TNHH An Hưng Tường
- Từ năm 2008 đến nay: Công ty TNHH An Hưng Tường, Công ty CP Thép Miền Trung.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 603.750 cổ phần. Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: 603.750 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3. Danh sách Ban Kiểm soát

a. Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Xuân Bình

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/12/1972

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 201183997 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày
23/12/1997

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: K75/17 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1994 đến nay: Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 45.281 cổ phần. Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: 45.281 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Thành viên ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Thị Tường Ngọc
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 08/07/1974
Quốc tịch : Việt Nam
CMND số: 201272865 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 25/10/1997
Quê quán: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng.
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Quá trình công tác:

- Từ năm 1998 đến nay: Công ty Thép Đà Nẵng, nay là Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c. Thành viên ban kiểm soát

Họ và tên: Ngô Thị Kim Anh
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 28/07/1980
Quốc tịch : Việt Nam
CMND số: 201443985 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2006
Quê quán: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: Tổ 34, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 2002 đến nay: Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.4. Phụ trách Kế toán

Họ và tên: Đỗ Kim Long

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/11/1970

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 205669535 do Công an Tỉnh Quảng Nam cấp ngày
05/03/2009

Quê quán: Hội an – Quảng nam

Địa chỉ thường trú: 101 Nguyễn Thị Minh Khai – Hội An Quảng nam.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phụ trách Kế toán Công ty

Quá trình công tác:

- Từ năm 1993 đến 2004: Công ty Hợp Doanh xây Lắp và Kinh Doanh Nhà Quảng Nam Đà Nẵng.
- Từ năm 2004 đến 2008: Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại Thiên Long tại Đà Nẵng.
- Từ năm 2008 đến nay: Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Số lượng cổ phần sở hữu của những người liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. Tài sản

13.1. Tình hình đất đai

Công ty đang ký hợp đồng thuê lại đất của 02 công ty là Công ty Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng và Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu Công nghiệp Đà Nẵng. Cụ thể

Hợp đồng với Công ty Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng

Số hợp đồng: 06/2007/HĐ – TLĐ/SDL ngày 01/01/2007

- Địa điểm: Khu công nghiệp Liên Chiểu – Thành phố Đà Nẵng
- Diện tích đất thuê: 89.000 m²
- Thời gian thuê: 36 năm kể từ ngày 01/01/2006 đến 01/01/2042
- Đơn giá thuê đất 4.200 đồng/m²/năm, phí hạ tầng 0,12USD/m²/năm (chưa bao gồm VAT), đơn giá thuê đất được điều chỉnh 5 năm/lần. Nộp tiền vào Quý 2 hàng năm. Công ty đã nộp đến hết năm 2008.

Số hợp đồng: 04/2008/HĐ-TLĐ/SDN ngày 29/12/2008

- Địa điểm: Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng
- Diện tích đất thuê: 13.600 m²
- Thời gian thuê: 39 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến 01/01/2048
- Đơn giá thuê 23USD đồng/m²/năm. Nộp tiền thành 03 đợt. Lần 1 thanh toán 50% trước ngày 31/12/2008, Lần 2 thanh toán 40% trước ngày 15/04/2009, lần 3 thanh toán 10% trước ngày 15/9/2009. Công ty đã nộp đến hết tiền thanh toán đợt 2 năm 2009.

Hợp đồng với Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp Đà Nẵng

Số hợp đồng: 27/2005/HĐTLĐ ngày 10/10/2005

- Địa điểm: Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng
- Diện tích đất thuê: 45.792 m²
- Thời gian thuê: 40 năm kể từ ngày 01/01/2005 đến 01/01/2045
- Đơn giá thuê 4.200 đồng/m²/năm, được điều chỉnh hàng năm theo Quyết định của cấp có thẩm quyền. Nộp tiền vào Quý 2 hàng năm. Công ty đã nộp đến hết năm 2008.

13.2. Tình hình tài sản

Toàn bộ tài sản bao gồm: máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất cán, luyện thép, nhà xưởng trên đất đều thuộc quyền sở hữu của Công ty.

Giá trị tài sản cố định đến thời điểm 31/12/2009 là:

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	NGUYÊN GIÁ TSCĐ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
I	TSCĐ HỮU HÌNH	76.448.982.213	49.851.647.172
1	Nhà cửa vật kiến trúc	27.663.861.013	19.513.827.213
2	Máy móc thiết bị	39.326.839.753	23.832.196.025
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.360.661.342	4.843.476.701
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.097.620.105	1.662.147.233
II	TSCĐ VÔ HÌNH	-	-
TỔNG CỘNG		76.448.982.213	49.851.647.172

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 chưa được kiểm toán)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011	
	Số tiền	% tăng giảm so với 2009	Số tiền	% tăng giảm so với 2010
Vốn chủ sở hữu	135.000	-	135.000	-
Doanh thu thuần	800.000	129,03	1.000.000	161,29
Lợi nhuận sau thuế	10.000	200	20.000	400

LN sau thuế/DT thuần (%)	1,25	137,5	2,0	250
LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	7,4	200	14,81	400
Tỉ lệ chi trả cổ tức (%)	7	140	12	240

(Nguồn: Báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2009)

* Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Những chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên được xây dựng căn cứ vào định hướng phát triển đã được Công ty vạch ra. Để đạt được kế hoạch trên, phương hướng triển khai thực hiện của Công ty trong thời gian tới như sau:

Xây dựng, quảng bá thương hiệu

- ✓ Lựa chọn, thuê tổ chức tư vấn xây dựng thương hiệu và bộ nhận dạng thương hiệu theo kế hoạch.
- ✓ Thiết lập, tổ chức bộ phận Marketing chuyên nghiệp với các chức năng: tổ chức nghiên cứu thị trường, xây dựng các chiến lược Marketing, quảng cáo cho các mảng hoạt động của Công ty, quảng bá, phát triển thương hiệu của Công ty một cách bền vững trên thị trường thép khu vực Miền Trung – Tây Nguyên nói riêng, cả nước nói chung.
- ✓ Phân công cán bộ chuyên trách về xây dựng, củng cố, kiểm tra đôn đốc công tác phát triển thương hiệu của Công ty.
- ✓ Đảm bảo nghiêm ngặt về chất lượng và số lượng sản phẩm khi giao hàng.

Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất, mua sắm phương tiện vận chuyển

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư cải tạo nâng cấp thiết bị công nghệ xưởng luyện thép, hệ thống hút lọc bụi giai đoạn 2 nhằm ổn định sản xuất, duy trì, nâng sản lượng sản xuất từ 6.000 tấn/tháng trước đầu tư lên 9.000 tấn/tháng sau đầu tư với chất lượng và giá thành cạnh tranh.

Về vốn

- ✓ Giảm số ngày quay vòng vốn, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- ✓ Chủ động tìm kiếm, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như: nguồn vốn khấu hao cơ bản, phát hành chứng khoán, vay ngân hàng....
- ✓ Có chính sách chi trả cổ tức hợp lý nhằm đảm bảo thỏa mãn sự mong đợi của cổ đông, không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông, đồng thời có lợi nhuận tích lũy để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- ✓ Đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, có lộ trình tham gia thị trường chứng khoán để vừa tạo kênh huy động hiệu quả vốn thông qua thị trường chứng khoán, vừa quảng bá thương hiệu của Công ty.

Về nhân lực

- ✓ Kiện toàn bộ máy lao động theo hướng có chất lượng, tinh gọn.
- ✓ Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm đáp ứng kịp thời cho sự phát triển của Công ty.
- ✓ Chuẩn bị nguồn cán bộ quản lý có chất lượng cao thông qua các chương trình tuyển dụng, tài trợ học bổng cho các sinh viên có kết quả học tập xuất sắc.
- ✓ Tận dụng mối liên kết ngành đã tạo dựng với các đơn vị trong Tổng công ty để có sự hỗ trợ của các chuyên gia kinh nghiệm, có kiến thức và kỹ năng trong việc điều hành, nâng cao năng lực sản xuất.

* Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông thông qua

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty đã thông qua kế hoạch đầu tư mở rộng và thông qua dự án như sau:

Đầu tư liên doanh liên kết

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, phát triển ổn định và vững chắc, nhận thấy việc tham gia đầu tư, tham gia liên doanh, liên kết tạo ra sự hợp tác lâu dài và toàn diện trong việc chia sẻ thị

trường, kỹ thuật, công nghệ giữa các đơn vị sản xuất thép, chủ yếu là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam là thật sự cần thiết.

Thông qua việc đầu tư mua cổ phần, góp vốn, thực hiện chủ trương của Tổng Công ty Thép Việt Nam trong việc kêu gọi hợp tác đầu tư, Công ty tận dụng được lợi thế về hỗ trợ công nghệ, kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực luyện cán thép và đặc biệt là thiết lập hệ thống khách hàng tiêu thụ sản phẩm ổn định, chiến lược. Việc tham gia đầu tư phá vỡ tình trạng đơn độc về sản xuất thép của Công ty tại khu vực miền Trung, phân tán rủi ro, làm cho hình ảnh, thương hiệu của Công ty ngày càng lớn mạnh.

Các dự án đầu tư phát triển

- ✓ Nâng cấp thiết bị luyện thép
- ✓ Cải tạo Hệ thống hút lọc bụi giai đoạn 2
- ✓ Mua sắm thiết bị phụ trợ, phương tiện vận tải
- ✓ Thuê thêm 13.000 m² đất
- ✓ Xây tường rào, đường nội bộ, trồng cây xanh
- ✓ Xây dựng bãi liệu mở
- ✓ Xây dựng công trình phụ trợ
- ✓ Cải tạo phân xưởng cán – Hòa Khánh

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- | | |
|---|--------------------|
| 1. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá: | 10.000 đồng |
| 3. Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch: | 5.953.747 cổ phiếu |

4. Phương pháp tính giá

- ✓ Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường OTC của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng tại thời điểm đăng ký giao dịch.
- ✓ Tham chiếu giá giao dịch cổ phiếu của các công ty trong ngành có cùng quy mô sản xuất kinh doanh.
- ✓ Phương pháp tính giá trị sổ sách của 01 cổ phần

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng khối lượng CP đang lưu hành}}$$

Theo Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán của Công ty, tại thời điểm 31/12/2008:

$$\begin{aligned}\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{66.525.817.098}{5.953.747} \\ &= 11.174 \text{ đồng/1 cổ phần}\end{aligned}$$

Theo Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty chưa được kiểm toán, tại thời điểm 31/12/2009:

$$\begin{aligned}\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} &= \frac{71.405.815.836}{5.953.747} \\ &= 11.993 \text{ đồng/1 cổ phần}\end{aligned}$$

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam

được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo pháp luật chuyên ngành.

6. Các loại thuế có liên quan

Bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác liên quan.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04– 35624626

Fax: 04– 35624628

Website: www.abs.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm– Hà Nội

Điện thoại: 04 – 38241990

Fax: 04 – 38253973

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ điều lệ Công ty

3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007 và năm 2008

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2009



**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN BẢO GIANG

HUỲNH TRUNG QUANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

NGUYỄN XUÂN BÌNH

ĐỖ KIM LONG